

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22811901] - Thực tập lạnh cơ bản  
(CCQ2318A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 20...

Số bài thi: ...20....

Số tờ giấy thi:.....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|----------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123180029 | Phạm Đức Bảo         | 13/06/2005 | CCQ2318A |             | Bảo       | 6,9        | 7,5         | 7,3     |
| 2   | 2123180011 | Trần Tấn Bảo         | 02/04/2005 | CCQ2318A |             | Bảo       | 7,7        | 8,5         | 8,2     |
| 3   | 2123180035 | Trần Tiến Bình       | 21/09/2005 | CCQ2318A |             | Bình      | 7,0        | 7,5         | 7,3     |
| 4   | 2123180003 | Trương Văn Bon       | 23/07/2005 | CCQ2318A |             | Bon       | 7,6        | 8,0         | 7,8     |
| 5   | 2123180012 | Nguyễn Đức Cảnh      | 11/07/2005 | CCQ2318A |             | Cảnh      | 7,2        | 8,0         | 7,7     |
| 6   | 2123180010 | Võ Hoàng Chánh       | 28/10/1995 | CCQ2318A |             | Chánh     | 7,7        | 8,5         | 8,2     |
| 7   | 2123180027 | Lê Văn Hạ            | 17/07/2005 | CCQ2318A |             | Hạ        | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 8   | 2123180005 | Đoàn Công Hiến       | 02/08/2005 | CCQ2318A |             | Hiến      | 7,0        | 8,0         | 7,6     |
| 9   | 2123180024 | Phạm Xuân Hiệp       | 25/05/2005 | CCQ2318A |             | Hiệp      | 5,4        | 7,5         | 6,7     |
| 10  | 2123180018 | Trần Quốc Hưng       | 15/07/2004 | CCQ2318A |             |           |            |             |         |
| 11  | 2123180017 | Đặng Duy Khánh       | 26/03/2005 | CCQ2318A |             | Khánh     | 7,2        | 8,0         | 7,7     |
| 12  | 2123180016 | Nguyễn Đỗ Anh Khoa   | 31/03/2005 | CCQ2318A |             | Khoa      | 8,1        | 8,0         | 8,0     |
| 13  | 2123180022 | Hồ Trọng Kiên        | 09/11/2005 | CCQ2318A |             | Kiên      | 7,5        | 8,0         | 7,8     |
| 14  | 2123180034 | Trương Văn Nghĩa     | 22/06/2005 | CCQ2318A |             | Nghĩa     | 7,5        | 7,5         | 7,5     |
| 15  | 2123180032 | Nguyễn Huỳnh Anh Phú | 07/08/2005 | CCQ2318A |             | Phú       | 5,7        | 8,0         | 7,1     |
| 16  | 2123180033 | Hồ Vũ Phước          | 22/03/2002 | CCQ2318A |             | Phước     | 7,1        | 8,0         | 7,6     |
| 17  | 2123180099 | Huỳnh Vũ Minh Quân   | 05/06/2005 | CCQ2318A |             | Quân      | 5,8        | 7,0         | 6,5     |
| 18  | 2123180009 | Lê Anh Quân          | 15/03/2005 | CCQ2318A |             | Quân      | 7,3        | 8,0         | 7,7     |
| 19  | 2123180028 | Trần Ngọc Quý        | 04/02/2005 | CCQ2318A |             | Quý       | 7,6        | 8,5         | 8,1     |
| 20  | 2123180006 | Nguyễn Hữu Tài       | 23/11/2005 | CCQ2318A |             | Tài       | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 21  | 2123180002 | Lê Chí Tâm           | 01/09/2004 | CCQ2318A |             | Tâm       | 7,3        | 8,0         | 7,7     |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

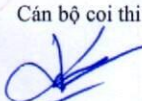
Môn học : [22811903] - Thực tập lạnh cơ bản  
(CCQ2318A)

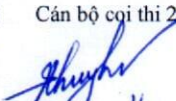
CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

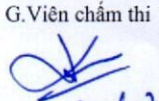
Số SV có mặt: 20

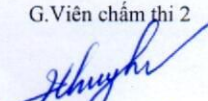
Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

  
NĐNHƠN

  
Đỗ Quang Huy

  
NĐNHƠN

  
Đỗ Quang Huy

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                   | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV                                                                             | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|---------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------|
| 1             | 2123180057            | Đặng Quốc Bảo               | 16/06/2005            | CCQ2318B            |             |    | 6,7        | 7,8         | 7,3     |
| 2             | 2123180069            | Huỳnh Công Bảo              | 03/12/2005            | CCQ2318B            |             |    | 7,6        | 8,3         | 8,0     |
| 3             | 2123180041            | Vô Văn Đại                  | 09/08/2005            | CCQ2318B            |             |    | 2,9        | 1,0         | 1,8     |
| 4             | 2123180045            | Lê Đoàn Hải Đăng            | 07/11/2005            | CCQ2318B            |             |    | 7,4        | 8,3         | 7,9     |
| 5             | 2123180067            | Nguyễn Văn Danh             | 26/03/2005            | CCQ2318B            |             |    | 7,4        | 7,8         | 7,6     |
| 6             | 2123180043            | Phan Văn Định               | 31/12/2005            | CCQ2318B            |             |    | 6,8        | 7,8         | 7,4     |
| 7             | 2123180061            | Lương Duy Đoàn              | 06/03/2005            | CCQ2318B            |             |    | 6,5        | 8,0         | 7,4     |
| 8             | 2123180050            | Nguyễn Quang Đông           | 23/11/2005            | CCQ2318B            |             |   | 7,4        | 7,8         | 7,6     |
| 9             | 2123180039            | Huỳnh Thái Dương            | 10/01/2005            | CCQ2318B            |             |  | 6,4        | 8,0         | 7,4     |
| 10            | 2123180055            | Huỳnh Văn Hạ                | 04/06/2004            | CCQ2318B            |             |  | 7,2        | 8,0         | 7,7     |
| <del>11</del> | <del>2123180070</del> | <del>Nguyễn Trung Hậu</del> | <del>25/04/2005</del> | <del>CCQ2318B</del> |             |                                                                                       |            |             |         |
| <del>12</del> | <del>2123180105</del> | <del>Nguyễn Hữu Khôi</del>  | <del>13/03/2005</del> | <del>CCQ2318A</del> |             |                                                                                       |            |             |         |
| <del>13</del> | <del>2123180013</del> | <del>Trương Ngọc Tấn</del>  | <del>01/10/2005</del> | <del>CCQ2318A</del> |             |                                                                                       |            |             |         |
| 14            | 2123180030            | Nguyễn Đức Thắng            | 06/11/2005            | CCQ2318A            |             |  | 5,9        | 8,3         | 7,3     |
| 15            | 2123180026            | Trần Quang Thắng            | 25/01/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,1        | 8,3         | 7,8     |
| 16            | 2123180100            | Huỳnh Công Thành            | 26/05/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,2        | 7,8         | 7,5     |
| <del>17</del> | <del>2123180087</del> | <del>Châu Văn Thực</del>    | <del>09/01/2005</del> | <del>CCQ2318A</del> |             |                                                                                       |            |             |         |
| <del>18</del> | <del>2123180015</del> | <del>Dương Quốc Tiến</del>  | <del>24/06/2005</del> | <del>CCQ2318A</del> |             |                                                                                       |            |             |         |
| 19            | 2123180106            | Phan Nhật Anh Tiến          | 10/03/2004            | CCQ2318A            |             |  | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 20            | 2123180031            | Nguyễn Thành Tính           | 01/01/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,2        | 8,0         | 7,7     |
| 21            | 2123180004            | Nguyễn Sĩ Trung             | 03/03/2005            | CCQ2318A            |             |  | 5,3        | 7,8         | 6,8     |
| 22            | 2123180001            | Văn Hữu An Trường           | 28/04/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,2        | 7,8         | 7,5     |
| 23            | 2123180019            | Lê Kế Từ                    | 28/01/2005            | CCQ2318A            |             |  | 6,1        | 8,0         | 7,2     |
| 24            | 2123180007            | Huỳnh Anh Việt              | 04/01/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,6        | 7,8         | 7,7     |
| 25            | 2123180014            | Nguyễn Hoàng Vũ             | 02/01/2005            | CCQ2318A            |             |  | 7,0        | 8,0         | 7,6     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22811904] - Thực tập lạnh cơ bản  
(CCQ2318A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 22....

Số bài thi: 22....

Số tờ giấy thi:.....

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------|-------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123180036 | Hồ Vĩnh         | Khang | 26/10/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,7        | 7,8         | 7,7     |
| 2   | 2123180037 | Lê Bách         | Khiêm | 02/10/2005 | CCQ2318B |             |           | 4,8        | 5,5         | 5,8     |
| 3   | 2123180051 | Trương Gia      | Kiệt  | 10/01/2001 | CCQ2318B |             |           | 7,2        | 7,3         | 7,2     |
| 4   | 2123180046 | Ngô Ngọc        | Luân  | 30/09/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,2        | 8,3         | 7,8     |
| 5   | 2123180068 | Lê Văn          | Lương | 20/03/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,7        | 8,3         | 8,0     |
| 6   | 2123180053 | Nguyễn Trần     | Nhân  | 24/08/2005 | CCQ2318B |             |           | 0          | 0           | 0       |
| 7   | 2123180056 | Trần Ngọc       | Phong | 08/08/2005 | CCQ2318B |             |           | 6,8        | 7,3         | 7,1     |
| 8   | 2123180063 | Nguyễn Minh     | Quân  | 04/03/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,4        | 7,8         | 7,6     |
| 9   | 2123180044 | Phan Tấn        | Quốc  | 14/01/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,7        | 8,3         | 8,0     |
| 10  | 2123180049 | Trương Thành    | Tâm   | 05/11/2005 | CCQ2318B |             |           | 5,4        | 7,0         | 6,7     |
| 11  | 2123180052 | Ngô Văn         | Thành | 17/07/2004 | CCQ2318B |             |           | 7,6        | 7,8         | 7,7     |
| 12  | 2123180059 | Nguyễn Huỳnh    | Thống | 12/07/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,6        | 7,8         | 7,7     |
| 13  | 2123180066 | Hoàng Trung     | Thủy  | 28/08/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,4        | 5,0         | 6,0     |
| 14  | 2123180058 | Nguyễn Thái Bảo | Tinh  | 26/08/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,8        | 8,3         | 8,1     |
| 15  | 2123180054 | Nguyễn Văn      | Trọng | 01/09/2005 | CCQ2318B |             |           |            |             |         |
| 16  | 2123180064 | Nguyễn Kế       | Trung | 03/07/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,3        | 8,5         | 8,0     |
| 17  | 2123180065 | Nguyễn Thanh    | Tú    | 05/11/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,8        | 7,8         | 7,8     |
| 18  | 2123180071 | Long Thanh      | Tuấn  | 27/12/2005 | CCQ2318B |             |           | 5,8        | 7,0         | 6,5     |
| 19  | 2123180048 | Nguyễn Minh     | Tường | 20/06/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,0        | 7,5         | 7,3     |
| 20  | 2123180038 | Phạm Quang      | Vĩ    | 24/03/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,6        | 7,8         | 7,7     |
| 21  | 2123180060 | Trương Quốc     | Việt  | 12/10/2004 | CCQ2318B |             |           | 7,2        | 7,8         | 7,5     |
| 22  | 2123180047 | Đặng Quang      | Vinh  | 28/11/2005 | CCQ2318B |             |           | 6,5        | 7,5         | 7,1     |
| 23  | 2123180076 | Phan Trọng      | Vinh  | 16/11/2005 | CCQ2318B |             |           | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 24  | 2123180042 | Nguyễn Xuân     | Vũ    | 26/12/2005 | CCQ2318B |             |           | 6,8        | 7,3         | 7,1     |